

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

NGUYỄN HỮU HÀ

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

PHÁT TRIỂN CHẾ BIẾN GỖ RỪNG TRỒNG QUY MÔ
NHỎ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ

CHUYÊN NGÀNH: KINH TẾ NÔNG NGHIỆP

MÃ SỐ: 96 20 115

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

HÀ NỘI, NĂM 2025

Luận án được hoàn thành tại:
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

Người hướng dẫn khoa học:

Hướng dẫn 1: PGS.TS. Bùi Thị Minh Nguyệt

Hướng dẫn 1: TS. Hoàng Liên Sơn

Phản biện 1:

.....
.....

Phản biện 2:

.....
.....

Phản biện 3:

.....
.....

Luận án sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án cấp Trường họp
tại:.....

Vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện: Thư viện Quốc gia và Thư viện
trường Đại học Lâm nghiệp

DANH MỤC CÁC BÀI BÁO, CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ

1. Nguyễn Hữu Hà, Bùi Thị Minh Nguyệt, 2023. Thực trạng ngành chế biến gỗ rừng trồng quy mô nhỏ trên địa bàn tỉnh Phú Thọ và các giải pháp phát triển. Tạp chí Công Thương, Số 24, tr 74 -79.
2. Nguyễn Hữu Hà, Bùi Thị Minh Nguyệt, 2023. Những chính sách tác động đến sự phát triển của ngành chế biến gỗ Việt Nam. Tạp chí Công Thương, Số 22, tr 62 -67.
3. Nguyễn Hữu Hà, Bùi Thị Minh Nguyệt, 2025. Phát triển chế biến gỗ rừng trồng quy mô nhỏ trên địa bàn tỉnh Phú Thọ. Tạp chí Kinh tế và Dự báo, Số đặc biệt tháng 01/2025, tr 215-217.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu

Ngành chế biến gỗ đóng vai trò quan trọng trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, với kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng mạnh, đạt 13,37 tỷ USD năm 2023. Tuy nhiên, bên cạnh các thành tựu, ngành vẫn tồn tại nhiều hạn chế như: chất lượng sản phẩm chưa cao, phụ thuộc nguyên liệu nhập khẩu, thiếu liên kết chuỗi, máy móc lạc hậu, lao động chưa qua đào tạo chiếm tỷ lệ lớn. Phú Thọ là tỉnh có tiềm năng lớn trong phát triển chế biến gỗ với diện tích rừng chiếm hơn 55% diện tích tự nhiên, sản lượng gỗ khai thác trên 300.000 m³/năm và hơn 2.8 00 cơ sở chế biến. Tuy nhiên, phần lớn các cơ sở hoạt động quy mô nhỏ, kỹ thuật chế biến thấp, sản phẩm chủ yếu là gỗ xẻ chất lượng thấp.

Trước thực trạng đó, việc nghiên cứu thực trạng, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng và đề xuất giải pháp phát triển chế biến gỗ rừng trồng quy mô nhỏ tại Phú Thọ là cần thiết, nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo việc làm, tăng thu nhập và hướng tới phát triển bền vững ngành chế biến gỗ của tỉnh.

2. Câu hỏi nghiên cứu

-Thực trạng sản xuất, chế biến và liên kết trong ngành gỗ quy mô nhỏ tại Phú Thọ?

-Làm thế nào để tăng giá trị sản phẩm, giảm xuất thô, và phát triển bền vững ngành chế biến?

3. Mục tiêu nghiên cứu

- Đánh giá thực trạng, phân tích yếu tố ảnh hưởng và đề xuất giải pháp phát triển chế biến gỗ rừng trồng quy mô nhỏ tại Phú Thọ.

4. Đối tượng nghiên cứu

- Các cơ sở chế biến gỗ quy mô nhỏ và hoạt động liên kết với người trồng rừng tại Phú Thọ giai đoạn 2020–2024.

5. Phạm vi nghiên cứu

- Nội dung: Thực trạng, liên kết, giải pháp
- Không gian: Phú Thọ.
- Thời gian: 2020–2024.

6. Nội dung nghiên cứu

- Cơ sở lý luận và thực tiễn.
- Thực trạng chế biến gỗ rừng trồng quy mô nhỏ tại Phú Thọ
- Yếu tố ảnh hưởng và giải pháp phát triển

7. Những đóng góp mới của luận án

- Bổ sung lý luận phát triển ngành chế biến gỗ quy mô nhỏ.
- Phân tích liên kết sản xuất – chế biến và đề xuất giải pháp phù hợp với thực tiễn Phú Thọ

8. Kết cấu các chương mục của luận án

- Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn
- Chương 2: Đặc điểm địa bàn và phương pháp nghiên cứu
- Chương 3: Kết quả nghiên cứu và thảo luận.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU, CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ PHÁT TRIỂN CHẾ BIẾN GỠ RỪNG TRỒNG QUY MÔ NHỎ CẤP TỈNH

1.1. Cơ sở lý luận về phát triển ngành chế biến gỗ

1.1.1 Một số khái niệm cơ bản

Trình bày khái niệm về ngành, phát triển ngành, phát triển kinh tế và công nghiệp chế biến gỗ. Phát triển ngành được hiểu là quá trình gia tăng cả về quy mô, chất lượng, hiệu quả và bền vững.

1.1.2. Chủ thể và sản phẩm của ngành chế biến gỗ

Chủ thể gồm doanh nghiệp, làng nghề và hộ cá thể. Sản phẩm phong phú gồm đồ gỗ ngoài trời, trong nhà, mỹ nghệ và dăm gỗ – phục vụ cả tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

1.1.3. Đặc điểm của ngành chế biến gỗ quy mô nhỏ

Gắn với làng nghề truyền thống, sử dụng nhiều lao động phổ thông, công nghệ thấp, sản phẩm đa dạng, mô hình sản xuất linh hoạt nhưng khó cạnh tranh và thiếu liên kết chuỗi giá trị.

1.1.4. Vai trò của ngành chế biến gỗ quy mô nhỏ

Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, đóng góp xuất khẩu, tạo việc làm, tăng thu nhập, thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn và địa phương

1.1.5. Nội dung nghiên cứu phát triển chế biến gỗ rừng trồng quy mô nhỏ cấp tỉnh

Tập trung vào việc khai thác lợi thế tự nhiên, vai trò điều phối của chính quyền, phát triển theo chiều rộng và chiều sâu, tăng quy mô và hiệu quả, nâng cao chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh.

1.1.6. Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển chế biến gỗ quy mô nhỏ

Gồm: nguồn nguyên liệu, thị trường, công nghệ, lao động, năng lực doanh nghiệp, chính sách hỗ trợ và liên kết sản xuất – tiêu thụ.

1.2. Cơ sở thực tiễn về phát triển ngành chế biến gỗ rừng trồng quy mô nhỏ

1.2.1. Kinh nghiệm thế giới

Một số nước như Trung Quốc, Thái Lan, Ấn Độ... phát triển hiệu quả ngành chế biến gỗ quy mô nhỏ thông qua chính sách ưu đãi, liên kết sản xuất – tiêu thụ và áp dụng công nghệ hiện đại.

1.2.2. Kinh nghiệm tại Việt Nam

Các tỉnh như Bình Định, Đồng Nai, Thừa Thiên Huế... đã triển khai tốt mô hình chế biến gỗ quy mô nhỏ gắn với vùng nguyên liệu và liên kết đầu – cuối chuỗi giá trị. Tuy nhiên vẫn còn tồn tại về công nghệ, thị trường, vốn và quản lý.

1.3. Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan

1.3.1. Trên thế giới

Nhiều nghiên cứu đề cập đến phát triển công nghiệp chế biến gỗ, mô hình chuỗi giá trị, liên kết sản xuất và chính sách phát triển ngành công nghiệp nông thôn.

1.3.2. Tại Việt Nam

Nghiên cứu chủ yếu tập trung vào ngành gỗ quy mô lớn, xuất khẩu, ít công trình chuyên sâu về chế biến gỗ quy mô nhỏ cấp tỉnh. Luận án kế thừa và mở rộng các nghiên cứu trước bằng cách đi sâu vào phân tích trường hợp Phú Thọ.

CHƯƠNG 2

ĐẶC ĐIỂM ĐỊA BÀN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đặc điểm địa bàn nghiên cứu

2.1.1. Khái quát về tỉnh Phú Thọ

Phú Thọ là tỉnh miền núi trung du phía Bắc, có vị trí giao thông thuận lợi và điều kiện tự nhiên phù hợp cho phát triển lâm nghiệp. Diện tích rừng chiếm trên 55% diện tích tự nhiên, trữ lượng gỗ lớn, chủ yếu là rừng trồng với các loài cây keo, mỡ, bạch đàn...

2.1.2. Điều kiện tự nhiên và xã hội

Địa hình đồi núi thấp, đất đai phù hợp trồng rừng. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, thuận lợi cho sinh trưởng thực vật. Dân số đông, nguồn lao động dồi dào nhưng trình độ còn hạn chế.

2.1.3. Tình hình phát triển chế biến gỗ:

Toàn tỉnh có hơn 2.800 cơ sở chế biến gỗ, trong đó phần lớn là quy mô nhỏ. Các sản phẩm chủ yếu gồm gỗ xẻ, đồ mộc dân dụng, giấy, bao bì. Ngành đang phát triển nhưng còn phân tán, hiệu quả thấp, thiếu liên kết và công nghệ chế biến còn lạc hậu.

2.1.4. Đặc điểm xã hội

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp tiếp cận nghiên cứu

2.2.1.1. Tiếp cận theo chuỗi giá trị:

Xem xét toàn bộ mối liên kết giữa các tác nhân trong chuỗi sản xuất – chế biến – tiêu thụ gỗ rừng trồng, từ đó đánh giá hiệu quả chuỗi và đề xuất giải pháp phát triển tổng thể.

2.2.1.2. Tiếp cận có sự tham gia:

Thu thập thông tin từ các tác nhân trong chuỗi cung ứng (hộ trồng rừng, thương lái, cơ sở chế biến, cán bộ địa phương) thông qua điều tra, thảo luận nhóm... nhằm đảm bảo tính thực tiễn và sự đồng thuận trong giải pháp đề xuất.

2.2.1.3. Tiếp cận hệ thống:

Xem mỗi cơ sở chế biến là một hệ thống gồm các yếu tố nội tại (năng lực, công nghệ, kết quả sản xuất) và các yếu tố ngoại vi (thị trường, chính sách, hạ tầng...), từ đó đánh giá tổng thể các mối tương tác ảnh hưởng đến phát triển.

2.2.1.4. Tiếp cận thể chế:

Phân tích các quy định pháp lý, cam kết, thỏa thuận trong chuỗi cung ứng gỗ để đề xuất giải pháp điều chỉnh, hoàn thiện thể chế và thúc đẩy tổ chức sản xuất – chế biến gỗ quy mô nhỏ theo hướng hiệu quả, bền vững.

2.2.2. Khung phân tích

Luận án phân tích các yếu tố tự nhiên, kinh tế – xã hội và thể chế ảnh hưởng đến chuỗi cung gỗ rừng trồng, với cơ sở chế biến quy mô nhỏ là trung tâm. Mối quan hệ giữa các tác nhân trong chuỗi được đánh giá qua các chỉ tiêu thực tiễn, làm rõ tương tác hai chiều giữa yếu tố đầu vào và kết quả phát triển. Trên cơ sở đó, luận án đề xuất giải pháp phù hợp nhằm thúc đẩy phát triển bền vững ngành chế biến gỗ quy mô nhỏ tại Phú Thọ.

2.2.3. Phương pháp thu thập số liệu

- **Số liệu thứ cấp:** Thu thập từ các báo cáo thống kê, niên giám, tài liệu ngành lâm nghiệp, tài liệu quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Phú Thọ và các văn bản pháp lý liên quan.

- **Số liệu sơ cấp:** Thực hiện điều tra xã hội học tại 6 huyện có hoạt động chế biến gỗ điển hình của tỉnh. Tổng số phiếu điều tra gồm 198 cơ sở chế biến và 202 hộ trồng rừng, thu thập thông tin về quy mô sản xuất, thiết bị, lao động, thị trường, liên kết và hiệu quả kinh tế.

2.2.4. Phương pháp phân tích số liệu

2.2.4.1. Thống kê mô tả:

Phân tích đặc điểm hiện trạng của các cơ sở chế biến, hộ trồng rừng, mức độ liên kết và tình hình sản xuất kinh doanh.

2.2.4.2. Thống kê so sánh:

So sánh với kinh nghiệm trong và ngoài nước nhằm đối chiếu, đánh giá và chọn lọc giải pháp khả thi.

2.2.4.3. Phương pháp tổng hợp và phân tích:

Luận án sử dụng phương pháp tổng hợp và phân tích xuyên suốt quá trình nghiên cứu nhằm đánh giá khách quan, toàn diện sự phát triển của ngành chế biến gỗ tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2010–2020. Dựa trên số liệu điều tra, phương pháp được xây dựng theo nguyên lý duy vật biện chứng, kết hợp lý thuyết xác suất thống kê và phân tích quy luật số lớn, giúp làm rõ bản chất và xu hướng vận động của ngành. Dựa trên mô hình các yếu tố đầu vào và kết quả sản xuất để đánh giá mức độ tác động của nguyên liệu, công nghệ, lao động, vốn, chính sách đến hiệu quả và khả năng phát triển của ngành.

2.2.4.4. Phân tích ma trận SWOT:

Đánh giá tổng hợp điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của ngành chế biến gỗ rừng trồng quy mô nhỏ tại Phú Thọ, từ đó định hướng giải pháp phù hợp.

2.2.4.5. Phân tích nhân tố khám phá và hồi quy đa biến:

Dựa trên mô hình các yếu tố đầu vào và kết quả sản xuất để đánh giá mức độ tác động của nguyên liệu, công nghệ, lao động, vốn, chính sách đến hiệu quả và khả năng phát triển của ngành.

2.2.5. Các chỉ tiêu đánh giá

2.2.5.1. Chỉ tiêu phản ánh Tăng trưởng về quy mô

Đánh giá qua sự gia tăng số lượng cơ sở, quy mô vốn, lao động, máy móc, nguyên liệu, thị trường và sản lượng chế biến gỗ quy mô nhỏ.

2.2.5.2. Chỉ tiêu phản ánh về Chuyển dịch cơ cấu của các cơ sở chế biến quy mô nhỏ

Phản ánh qua tỷ trọng sản phẩm thô – tinh và cơ cấu thị trường tiêu thụ nội địa – xuất khẩu.

2.2.5.3. Chỉ tiêu phản ánh Hiệu quả kinh tế bao gồm

- Kết quả: Doanh thu, lợi nhuận.
- Tỷ suất hiệu quả: Doanh thu/chi phí, doanh thu/vốn, lợi nhuận/chi phí, lợi nhuận/vốn – phản ánh khả năng sử dụng chi phí và vốn để tạo ra kết quả.
- Chỉ tiêu hiệu quả xã hội: Tạo việc làm, tăng thu nhập, năng suất lao động, giá trị gia tăng, và mức đóng góp ngân sách.
- Chỉ tiêu bảo vệ môi trường: Đánh giá mức độ ô nhiễm, tái tạo tài nguyên, tuân thủ tiêu chuẩn môi trường và tiến bộ sinh thái của các cơ sở chế biến.

CHƯƠNG 3

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1 Thực trạng phát triển chế biến gỗ rừng trồng quy mô nhỏ trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

3.1.1. Khai thác lợi thế cho phát triển chế biến gỗ rừng trồng quy mô nhỏ của tỉnh Phú Thọ

3.1.1.1. Nguồn cung gỗ nguyên liệu cho chế biến gỗ rừng trồng quy mô nhỏ của tỉnh Phú Thọ

Diện tích: Phú Thọ có 293.456 ha đất lâm nghiệp, trong đó rừng sản xuất chiếm hơn 150.000 ha, chủ yếu là rừng trồng do hộ gia đình và cá nhân quản lý (chiếm hơn 40%). Diện tích rừng trồng tăng ổn định giai đoạn 2018–2024, phản ánh sự phát triển bền vững.

Loài cây: Keo là loài cây chủ lực (chiếm >85% diện tích rừng trồng), thích nghi tốt với điều kiện địa phương, phục vụ cho chế biến giấy, băm dăm, xẻ và bóc ván. Ngoài ra còn có Bạch đàn, Bò đê, Qué, Mỡ...

Sản lượng: Gỗ khai thác từ rừng trồng tăng từ 700.100 m³ (2020) lên 771.300 m³ (2023), chủ yếu là gỗ Keo (~85%).

Các chủ thể tham gia sản xuất gỗ nguyên liệu: Các chủ thể gồm: hộ gia đình, doanh nghiệp lâm nghiệp và hợp tác xã. Trong đó, hộ gia đình và cá nhân chiếm tỷ lệ lớn nhất (72,2%), cho thấy vai trò trung tâm của cộng đồng trong sản xuất gỗ nguyên liệu.

3.1.1.2. Sản phẩm từ gỗ rừng trồng

Phú Thọ là tỉnh có số lượng doanh nghiệp chế biến lớn nhất vùng miền núi phía Bắc, với khoảng 98 doanh nghiệp (chủ yếu vừa và

nhỏ). Sản phẩm đa dạng: gỗ xẻ, ván bóc, giấy, dăm, viên nén, gỗ MDF, ván dán, gỗ thanh... Trong đó gỗ Keo chiếm ưu thế trong sản xuất.

3.1.2. Sự tham gia của chính quyền địa phương trong phát triển công nghiệp chế biến gỗ rừng trồng quy mô nhỏ ở tỉnh Phú Thọ

3.1.2.1. Xây dựng chiến lược phát triển chế biến gỗ rừng trồng quy mô nhỏ

Chính quyền tỉnh Phú Thọ đã triển khai chiến lược phát triển ngành chế biến gỗ quy mô nhỏ thông qua các chương trình đào tạo nguồn nhân lực, hỗ trợ tiếp cận vốn, khuyến khích sản xuất xanh và phát triển rừng trồng gỗ lớn. Các cơ sở chế biến chủ yếu là hộ gia đình, doanh nghiệp nhỏ, linh hoạt theo nhu cầu thị trường, góp phần bảo tồn nghề truyền thống và cung cấp sản phẩm giá thành cạnh tranh. Nhu cầu sản phẩm gỗ tại tỉnh khá ổn định, đặc biệt trong lĩnh vực xây dựng và nội thất, tạo cơ hội phát triển cho cơ sở quy mô nhỏ

3.1.2.2. Công tác ban hành chính sách liên quan đến chế biến gỗ rừng trồng

Tỉnh ban hành nhiều nghị quyết và chính sách khuyến khích đầu tư chế biến gỗ, như:

- Nghị quyết 15/2014/NQ-HĐND hỗ trợ tối đa 5 tỷ đồng/cơ sở đầu tư nhà máy chế biến gỗ.

- Nghị quyết 12/2015/NQ-HĐND và 16/2011/NQ-HĐND về quy hoạch phát triển vùng nguyên liệu và ngành nông – lâm nghiệp.

- Nghị quyết 22/2021/NQ-HĐND và các quyết định đầu tư như 2384/QĐ-UBND, 3354/QĐ-UBND phê duyệt nhà máy gỗ tại huyện Tam Nông.

- Kế hoạch 2501/KH-UBND (2024) định hướng phát triển hệ sinh thái rừng gắn với chế biến.

Tuy nhiên, việc triển khai một số chính sách vẫn gặp khó khăn, nhất là tiếp cận vốn hỗ trợ theo Nghị định 210/2013/NĐ-CP.

3.1.2.3. Thực trạng thực thi các chính sách liên quan đến hoạt động chế biến gỗ rừng trồng quy mô nhỏ.

- Khai thác gỗ: Phải tuân thủ Nghị định 156/2018/NĐ-CP, Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT và các quy định trong Hiệp định VPA/FLEGT, từ khâu lập phương án, bảng kê lâm sản đến hồ sơ hợp pháp quyền sử dụng rừng.

- Vận chuyển gỗ: Cơ sở mua bán, vận chuyển gỗ phải lưu trữ đầy đủ bảng kê lâm sản, hồ sơ nguồn gốc theo đúng mẫu biểu quy định.

- Chế biến gỗ: Hộ gia đình, tổ chức chế biến phải tuân thủ quy định về PCCC, an toàn lao động, hồ sơ nguồn gốc gỗ, đăng ký kinh doanh, lao động, thuế, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế, đảm bảo sản xuất gỗ hợp pháp.

3.1.3. Thực trạng phát triển ngành chế biến gỗ rừng trồng quy mô nhỏ trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

3.1.3.1. Phát triển các cơ sở chế biến gỗ rừng trồng quy mô nhỏ

- Loại hình cơ sở: Gồm xưởng cưa xẻ, cơ sở sản xuất ván bóc, xưởng mộc – đồ nội thất, cơ sở chế biến gỗ dăm. Các cơ sở đa phần quy mô nhỏ, máy móc lạc hậu, linh hoạt theo đơn hàng. Sản phẩm chủ yếu là bán thành phẩm hoặc hàng thô, sức cạnh tranh chưa cao.

- Quy mô và phân bố: Tính đến năm 2023, tỉnh có 822 cơ sở chế biến gỗ, tăng so với 742 cơ sở năm 2021. Chủ yếu là hộ kinh doanh

cá thể (711 hộ), phân bố ở tất cả các huyện. Các nhóm sản phẩm tăng trưởng mạnh gồm: xe/palet, đồ mộc, ván bóc và sản phẩm đa dụng (tấm, dũa...).

- Tồn tại: Thiếu quy hoạch, công nghệ thấp, lao động chưa qua đào tạo, khó tiếp cận vốn, mất cân đối cung – cầu nguyên liệu, cạnh tranh không lành mạnh trong thu mua gỗ nguyên liệu.

3.1.3.2. Phát triển kênh phân phối sản phẩm

- Kênh tiêu thụ: Chủ yếu qua thương lái và nhà phân phối trung gian. Xuất khẩu phụ thuộc vào đại lý nước ngoài. Kênh nội địa còn nhỏ lẻ, thiếu liên kết chuỗi. Tổng công ty Giấy Việt Nam là mô hình điển hình có chứng chỉ FSC, phân phối hiệu quả.

- Kênh gỗ nguyên liệu: 75% gỗ tiêu thụ trong tỉnh, 25% đến các tỉnh khác (Hà Nội, Hưng Yên...). Gồm 5 kênh tiêu thụ phổ biến từ hộ trồng rừng/công ty lâm nghiệp đến nhà máy chế biến hoặc tiêu dùng nội địa/xuất khẩu.

- Hình thức phân phối: Chủ yếu thông qua đại lý, cửa hàng, hội chợ. Thiếu tiếp thị, xây dựng thương hiệu, và xúc tiến thương mại hiệu quả.

3.1.3.3. Hiệu quả kinh doanh của các cơ sở chế biến gỗ rừng trồng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

- Gỗ xe/palet: Lợi nhuận cho HGD 0,477 triệu đồng/m³, cơ sở chế biến 0,269 triệu đồng/m³. Tuy có lợi nhuận nhưng giá trị chưa cao do sản phẩm thô.

- Sản phẩm giấy/bột giấy: CTLN đạt lợi nhuận 0,57 triệu đồng/m³ gỗ nguyên liệu; công ty giấy đạt 0,84 triệu đồng/tấn giấy. Tuy

nhiên, tiêu hao nguyên liệu lớn (3,6 tấn gỗ/tấn giấy), đòi hỏi nguồn cung ổn định.

- Sản phẩm dăm: HGD có lợi nhuận cao nhất (0,51 triệu đồng/tấn), nhờ chi phí thấp. Doanh nghiệp chế biến dăm có tổng lợi nhuận lớn nhờ quy mô, dù giá trị gia tăng thấp.

3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển chế biến gỗ rừng trồng quy mô nhỏ của tỉnh Phú Thọ

3.2.1. Nguồn cung ứng về nguyên liệu

Nguồn gỗ nguyên liệu tại Phú Thọ đến từ ba nguồn: nội tỉnh, ngoại tỉnh và nhập khẩu. Nội tỉnh có diện tích rừng trồng lớn, chủ yếu là Keo, Bạch đàn và Bồ đề – chiếm gần 99% sản lượng gỗ khai thác. Hộ gia đình là nguồn cung chính nhưng diện tích bình quân nhỏ, sản xuất thủ công, thiếu thông tin thị trường. Ngoại tỉnh cung cấp khoảng 30% nhu cầu, chủ yếu từ Yên Bái, Tuyên Quang, Nghệ An. Gỗ nhập khẩu chủ yếu là gỗ quý và gỗ mềm như Tàn Bì, Sồi dùng cho chế biến đồ cao cấp và trung cấp, chiếm 8–10% nhu cầu.

3.2.2. Nhu cầu của thị trường về sản phẩm chế biến gỗ rừng trồng

Nhu cầu đồ gỗ thế giới tăng mạnh, tạo động lực phát triển ngành. Tuy nhiên, chất lượng sản phẩm gỗ Việt Nam còn hạn chế, ít doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn quốc tế. Mẫu mã đơn điệu, công nghệ lạc hậu, thiếu lao động kỹ thuật và nhân lực thiết kế khiến khả năng cạnh tranh còn yếu.

3.2.3. Trình độ công nghệ của các cơ sở chế biến trong tỉnh

Các doanh nghiệp chế biến tại tỉnh chia thành 4 nhóm, phần lớn là quy mô nhỏ, sử dụng công nghệ cũ, công suất thấp. Một số công

nghe hiện đại như ván nhân tạo, xử lý gỗ rừng trồng bắt đầu xuất hiện. Tuy nhiên, chi phí đầu tư lớn và hạn chế về năng lực tổ chức sản xuất là thách thức lớn.

3.2.4. Chất lượng nguồn nhân lực của các cơ sở chế biến trên địa bàn tỉnh

Tình có lực lượng lao động dồi dào, tỷ lệ qua đào tạo đạt 70%. Tuy vậy, trong ngành chế biến gỗ vẫn thiếu lao động kỹ thuật, nhân sự quản lý, đào tạo còn manh mún, hiệu quả sử dụng lao động chưa cao.

3.2.5. Năng lực cạnh tranh của các cơ sở chế biến gỗ trong tỉnh

Ngành chế biến gỗ của tỉnh phát triển mạnh, song còn tự phát, thiếu quy hoạch, công nghệ thấp, sản phẩm chủ yếu là thô. Doanh nghiệp xuất khẩu ít, năng lực cạnh tranh kém, giá trị gia tăng thấp, năng suất lao động còn thấp so với quốc tế.

3.2.6. Sự phát triển doanh nghiệp quy mô lớn

Một số doanh nghiệp lớn như Nhà máy giấy Bãi Bằng, Việt Trì hoạt động hiệu quả nhưng vẫn thiếu nguyên liệu trầm trọng. Sự phát triển của nhóm doanh nghiệp này góp phần nâng cao giá trị sản xuất công nghiệp, tạo việc làm và thu hút đầu tư.

3.3. Đánh giá chung về thực trạng phát triển chế biến gỗ rừng trồng quy mô nhỏ trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

3.3.1. Lợi thế, khó khăn, cơ hội và thách thức cho phát triển chế biến gỗ rừng trồng quy mô nhỏ của tỉnh Phú Thọ

3.3.1.1. Lợi thế

- Diện tích rừng trồng lớn, tạo nguồn nguyên liệu ổn định cho chế biến.

- Điều kiện tự nhiên phù hợp, có nhiều loài cây gỗ giá trị kinh tế cao như Keo, Bạch đàn, Thông.

- Hạ tầng giao thông thuận lợi, giúp giảm chi phí vận chuyển.

- Chính sách hỗ trợ tích cực, tạo điều kiện tiếp cận vốn, kỹ thuật, thị trường.

- Thị trường tiêu thụ rộng, tận dụng cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do.

3.3.1.2. *Khó khăn*

- Quy mô sản xuất nhỏ lẻ, đất đai phân tán, khó tạo vùng nguyên liệu lớn.

- Thiếu liên kết, tư duy sản xuất còn manh mún, thiếu quy hoạch lâm nghiệp.

3.3.1.3. *Cơ hội và thách thức*

| Cơ hội | Thách thức |
|--|---|
| Nhu cầu đồ gỗ tăng mạnh (10–15%/năm), đặc biệt đồ nội thất | Cạnh tranh gay gắt từ sản phẩm nhập khẩu giá rẻ |
| Xu hướng tiêu dùng xanh, sản phẩm gỗ bền vững được ưa chuộng | Thiếu vốn, công nghệ, thiết bị chế biến hiện đại |
| Chính sách hỗ trợ về tài chính, đào tạo, thị trường | Quy trình sản xuất thủ công, chất lượng sản phẩm thiếu ổn định |
| Linh hoạt thích ứng thị trường của cơ sở quy mô nhỏ | Áp lực tuân thủ các quy định về môi trường và phát triển bền vững |

3.3.2. Thành công, hạn chế, nguyên nhân của hạn chế

3.3.2.1. Những thành công

- Ngành chế biến gỗ phát triển mạnh, thúc đẩy trồng rừng, bảo vệ môi trường, tạo sinh kế bền vững.

- Sản phẩm gỗ đa dạng: từ thô đến tinh (giấy, MDF, ván xẻ, đồ mộc...).

- Thu hút 38 dự án đầu tư trong ngành chế biến gỗ.

3.3.2.2. Những tồn tại

- Thiếu liên kết giữa doanh nghiệp và hộ trồng rừng, diện tích gỗ lớn còn hạn chế.

- Nhân lực chế biến gỗ chưa đáp ứng yêu cầu, thiếu công nghiệp hỗ trợ và ứng dụng khoa học kỹ thuật.

3.3.2.3. Nguyên nhân của hạn chế

- Cơ sở chế biến chủ yếu nhỏ, tự phát, công nghệ lạc hậu.

- Thiếu vốn đầu tư cho trồng rừng và chế biến.

- Năng suất rừng thấp, gỗ nhỏ, chất lượng chưa đáp ứng chế biến tinh.

3.4. Giải pháp phát triển chế biến gỗ rừng trồng quy mô nhỏ trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

3.4.1. Định hướng phát triển chế biến gỗ rừng trồng của tỉnh

Phú Thọ chưa có quy hoạch riêng cho công nghiệp chế biến gỗ mà lồng ghép trong các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, lâm nghiệp. Mục tiêu là ổn định vùng nguyên liệu 60.000 ha, khai thác 950.000 m³ gỗ/năm, tăng diện tích rừng đạt chứng chỉ FSC. Tỉnh chú trọng hạn chế đầu tư mới vào dăm gỗ, khuyến khích đầu tư công nghệ cao, sản phẩm có giá trị gia tăng.

3.4.2. Một số giải pháp phát triển chế biến gỗ rừng trồng quy mô nhỏ trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

3.4.2.1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách tạo hành lang pháp lý để hỗ trợ các cơ sở chế biến gỗ quy mô nhỏ tổ chức sản xuất, kinh doanh hiệu quả

- Đơn giản hóa thủ tục hành chính, cụ thể hóa các cam kết quốc tế như VPA/FLEGT.

- Ban hành chính sách phát triển vùng nguyên liệu có chứng chỉ bền vững, hỗ trợ sản xuất vật liệu phụ trợ, kiểm soát xuất khẩu gỗ thô, ổn định chính sách thuế.

3.4.2.2. *Phát triển, mở rộng thị trường xuất khẩu gỗ và lâm sản cho các cơ sở chế biến gỗ quy mô nhỏ*

- Khuyến khích xây dựng thương hiệu, hỗ trợ tham gia hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước.

- Tăng cường xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiềm năng, xây dựng hệ thống phân phối và thương mại điện tử.

3.4.2.3. *Phát triển nguồn nhân lực cung cấp cho ngành chế biến gỗ rừng trồng quy mô nhỏ*

- Xây dựng chương trình đào tạo kỹ thuật, quản lý, nâng cao tay nghề.

- Hỗ trợ mở ngành đào tạo chuyên sâu phù hợp với yêu cầu sản xuất và công nghệ mới.

3.4.2.4. *Nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp chế biến gỗ rừng trồng quy mô nhỏ.*

- Tuyên truyền nhận thức về vai trò ngành gỗ; tập trung đầu tư đổi mới công nghệ, tổ chức sản xuất hợp lý.

- Xây dựng chuỗi cung ứng, liên kết chuyên môn hóa, giảm chi phí sản xuất.

- Hỗ trợ hình thành doanh nghiệp đầu đàn, khuyến khích khởi nghiệp ở vùng sâu, vùng xa

3.4.2.5. Sử dụng nguyên liệu gỗ có hiệu quả và bền vững

- Áp dụng công nghệ tiên tiến, tiết kiệm nguyên liệu.

- Phát triển cụm chế biến tập trung gần vùng nguyên liệu.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong thu mua, cung ứng nguyên liệu.

3.4.2.6. Liên kết trong ngành chế biến gỗ với các doanh nghiệp chế biến gỗ rừng trồng quy mô nhỏ

- Khuyến khích doanh nghiệp liên kết trong chuỗi giá trị từ nguyên liệu đến tiêu thụ sản phẩm.

- Hạn chế đầu tư dàn trải, nâng cao chuyên môn hóa và hiệu quả sản xuất.

- Liên kết giữa doanh nghiệp chế biến và chủ rừng, giữa làng nghề và nhà nhập khẩu gỗ, tạo điều kiện tận dụng đơn hàng lớn và giảm chi phí dự trữ nguyên liệu.

KẾT LUẬN

Trong những năm gần đây, ngành chế biến và xuất khẩu gỗ cùng các sản phẩm từ lâm sản của Việt Nam đã có bước phát triển đáng kể cả về quy mô, số lượng lẫn chất lượng. Các doanh nghiệp không chỉ cải thiện hiệu quả sản xuất kinh doanh mà còn mở rộng đáng kể thị trường xuất khẩu. Nếu như trước kia, sản phẩm gỗ Việt Nam chủ yếu thông qua các nước trung chuyển như Đài Loan, Hàn Quốc hay Singapore, thì hiện nay đã trực tiếp tiếp cận và có mặt tại hơn 140 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Tại tỉnh Phú Thọ, chuỗi giá trị ngành gỗ rừng trồng đang từng bước được hình thành và mở rộng, từ khâu sản xuất nguyên liệu đến chế biến và tiêu thụ. Với hơn 700 cơ sở chế biến gỗ đang hoạt động, ngành đã và đang đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế địa phương, đặc biệt trong lĩnh vực lâm nghiệp.

Tuy nhiên, sự phát triển này vẫn đang đối mặt với nhiều thách thức. Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng, ngành chế biến gỗ của cả nước nói chung và tỉnh Phú Thọ nói riêng vẫn tồn tại một số hạn chế như: chất lượng và mẫu mã sản phẩm chưa đáp ứng được tiêu chuẩn cạnh tranh quốc tế, hiệu quả sản xuất chưa cao, thị trường xuất khẩu còn phụ thuộc vào một số quốc gia lớn, trong khi thị trường nội địa vẫn chưa được khai thác tối ưu. Bên cạnh đó, hệ thống chính sách hỗ trợ cho ngành chế biến gỗ vẫn chưa được triển khai một cách đồng bộ và hiệu quả..

Để nâng cao năng lực cạnh tranh và thúc đẩy phát triển bền vững cho ngành chế biến gỗ, cần thiết phải triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp, cụ thể như sau:

- **Hoàn thiện khung pháp lý và chính sách** để tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở, doanh nghiệp chế biến gỗ hoạt động ổn định và hiệu quả.

- **Mở rộng thị trường xuất khẩu**, đồng thời đẩy mạnh phát triển thương hiệu quốc gia cho sản phẩm gỗ Việt Nam.

- **Đầu tư phát triển nguồn nhân lực**, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về kỹ năng sản xuất, vận hành máy móc, thiết bị và quản lý chất lượng.

- **Tăng cường năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp**, thông qua cải tiến công nghệ, tối ưu hóa chi phí và nâng cao giá trị gia tăng trong sản phẩm.

- **Sử dụng hiệu quả và bền vững nguyên liệu gỗ**, giảm lãng phí, tối ưu hóa chuỗi giá trị từ nguyên liệu đến sản phẩm cuối cùng.

- **Phát triển các mô hình liên kết trong ngành chế biến gỗ**, bao gồm:

+ Kết nối giữa doanh nghiệp cung ứng nguyên liệu với các đơn vị chế biến.

+ Tăng cường phối hợp giữa công ty nhập khẩu gỗ và làng nghề.

+ Xây dựng mối liên kết giữa doanh nghiệp chế biến và các chủ rừng có chứng chỉ quản lý rừng bền vững.

+ Thiết lập quan hệ hợp tác giữa các công ty lâm nghiệp với doanh nghiệp chế biến gỗ nhằm đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định, minh bạch và đạt tiêu chuẩn quốc tế.

Việc triển khai các giải pháp trên không chỉ góp phần phát triển ngành chế biến gỗ Phú Thọ một cách bền vững mà còn đóng góp tích cực vào mục tiêu phát triển lâm nghiệp quốc gia và nâng cao vị thế sản phẩm gỗ Việt Nam trên thị trường toàn cầu.